

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 /2018/TT-BTC  
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT  
Chương: 599

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-THCSLTK ngày...../...../.....)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS LÝ Thường Kiệt công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2024 như sau:

Dvt: 1000 đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm 2024 | Thực hiện quý 3/2024 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|----------------------------------------------------|------------------|----------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                  |                  |                      |                                     | 3                                                                     |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | -                | -                    |                                     |                                                                       |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | -                | -                    |                                     |                                                                       |
| 1          | Lệ phí                                             |                  |                      |                                     |                                                                       |
| 2          | Học phí                                            |                  |                      |                                     |                                                                       |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                  |                      |                                     |                                                                       |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo</b>              |                  |                      |                                     |                                                                       |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                  |                      |                                     |                                                                       |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                  |                      |                                     |                                                                       |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                  |                      |                                     |                                                                       |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                  |                      |                                     |                                                                       |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                  |                      |                                     |                                                                       |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                  |                      |                                     |                                                                       |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                  |                      |                                     |                                                                       |
| 2          | Phí                                                |                  |                      |                                     |                                                                       |
|            | Học phí                                            |                  |                      |                                     |                                                                       |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | 18,315,276       | 5,173,041            |                                     |                                                                       |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  |                  |                      |                                     |                                                                       |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                  |                      |                                     |                                                                       |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                  |                      |                                     |                                                                       |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                  |                      |                                     |                                                                       |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                  |                      |                                     |                                                                       |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                  |                      |                                     |                                                                       |

|     |                                               |            |           |     |  |
|-----|-----------------------------------------------|------------|-----------|-----|--|
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia    |            |           |     |  |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ          |            |           |     |  |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở       |            |           |     |  |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng |            |           |     |  |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên          |            |           |     |  |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề   | 18,315,276 | 5,173,041 |     |  |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                | 17,249,850 | 4,816,585 | 28% |  |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên          | 1,065,426  | 356,456   | 33% |  |
| II  | Nguồn vốn viện trợ                            |            |           |     |  |
| III | Nguồn vay nợ nước ngoài                       |            |           |     |  |

Hải Châu, ngày            tháng            năm 2024  
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

